

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN**

-----★★★-----



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH
THANG MÁY HẢI GIANG SƠN**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mỹ Linh
Lớp : Kế toán – K41B
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Mai Thị Lệ Huyền

Bình Định, tháng 05 năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH
THANG MÁY HẢI GIANG SƠN**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Mỹ Linh

Lớp : Kế toán K41B

GVHD : ThS. Mai Thị Lệ Huyền

Bình Định, tháng 05 năm 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan kết quả đạt được trong khóa luận là sản phẩm của riêng cá nhân, không sao chép lại của người khác. Trong toàn bộ nội dung của khóa luận, những điều được trình bày hoặc là của cá nhân hoặc là được tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu. Tất cả các tài liệu tham khảo đều có xuất xứ rõ ràng và được trích dẫn hợp pháp. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định cho lời cam đoan của mình.

Bình Định, ngày 31 tháng 05 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Linh

Nguyễn Thị Mỹ Linh

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Mỹ Linh

Lớp: Kế toán B

Khóa: K41

Tên đề tài: Kế toán Công nợ tại công ty TNHH thang máy Hải Giang Sơn.

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:
2. Nội dung của đề tài:
 - Cơ sở lý thuyết:
 - Cơ sở số liệu:
 - Phương pháp giải quyết các vấn đề:
3. Hình thức của đề tài:
 - Hình thức trình bày :
 - Kết cấu của đề tài:.....
4. Những nhận xét khác :

II. Đánh giá cho điểm :

- Tiến trình làm đề tài :
- Nội dung đề tài :
- Hình thức đề tài :

Tổng cộng:

Bình Định, ngàythángnăm 2022

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Mai Thị Lệ Huyền

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Mỹ Linh

Lớp: Kế toán B

Khóa: K41

Tên đề tài: Kế toán Công nợ tại công ty TNHH thang máy Hải Giang Sơn.

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :
- Kết cấu của đề tài:.....

3. Những nhận xét khác :

.....

II. Đánh giá cho điểm :

- Nội dung đề tài :

- Hình thức đề tài :

Tổng cộng:

Bình Định, ngàythángnăm 2022

Giảng viên phản biện

MỤC LỤC

TRANG PHỤ BÌA

LỜI CAM ĐOAN

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG

DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU.....1

1. Lý do chọn đề tài..... 1

2. Mục tiêu nghiên cứu..... 1

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 2

4. Phương pháp nghiên cứu.....2

5. Kết cấu của đề tài..... 2

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ TRONG DOANH NGHIỆP.....3

1.1. Lý luận chung về khoản nợ phải thu.....3

1.1.1. Khái niệm và phân loại các khoản nợ phải thu..... 3

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán các khoản nợ phải thu..... 3

1.1.3. Vai trò, vị trí, nhiệm vụ của kế toán nợ phải thu..... 4

1.2. Lý luận chung về khoản nợ phải trả..... 4

1.2.1. Khái niệm và phân loại các khoản nợ phải trả..... 4

1.2.2. Nguyên tắc hạch toán các khoản nợ phải trả..... 5

1.2.3. Vai trò, vị trí, nhiệm vụ của kế toán nợ phải trả..... 5

1.3. Nội dung công tác kế toán khoản nợ phải thu của khách hàng trong doanh nghiệp6

1.3.1.	<i>Sổ sách chứng từ kế toán nợ phải thu khách hàng.....</i>	6
1.3.2.	<i>Tài khoản sử dụng</i>	6
1.3.3.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ.....</i>	9
1.3.4.	<i>Phương pháp kế toán.....</i>	9
1.4.	Nội dung công tác kế toán khoản nợ phải trả cho người bán trong doanh nghiệp	10
1.4.1.	<i>Sổ sách chứng từ kế toán nợ phải trả người bán.....</i>	10
1.4.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	11
1.4.3.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ.....</i>	12
1.4.4.	<i>Phương pháp kế toán.....</i>	13
	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH THANG MÁY HẢI GIANG SƠN.....	14
2.1.	Khái quát chung về công ty.....	14
2.1.1.	<i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.....</i>	14
2.1.1.1.	<i>Tên, địa chỉ Công ty.....</i>	14
2.1.1.2.	<i>Thời điểm thành lập và phát triển.....</i>	14
2.1.1.3.	<i>Quy mô hiện tại của Công ty.....</i>	14
2.1.1.4.	<i>Kết quả kinh doanh của Công ty những năm gần đây.....</i>	15
2.1.2.	<i>Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.</i>	17
2.1.2.1.	<i>Chức năng của Công ty.....</i>	17
2.1.2.2.	<i>Nhiệm vụ của Công ty.....</i>	17
2.1.3.	<i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.....</i>	17
2.1.3.1.	<i>Loại hình kinh doanh chủ yếu của Công ty.....</i>	17
2.1.3.2.	<i>Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty.....</i>	18
2.1.4.	<i>Đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công ty... </i>	20
2.1.4.1.	<i>Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty.....</i>	20

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty.....	21
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty.....	22
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	22
2.1.5.2. Bộ máy kế toán tại Công ty.....	22
2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty.....	22
2.1.5.4. Chế độ kế toán và chính sách áp dụng.....	24
2.2. Thực tế công tác kế toán kế toán công nợ tại công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.....	25
2.2.1. Kế toán phải thu khách hàng.....	25
2.2.1.1. Chứng từ hạch toán.....	25
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	25
2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty.....	25
2.2.1.4. Trình tự luân chuyển chứng từ.....	25
2.2.1.5. Các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại công ty.....	25
2.2.2. Kế toán phải trả người bán.....	32
2.2.2.1. Chứng từ hạch toán.....	32
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	32
2.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty.....	32
2.2.2.4. Trình tự luân chuyển chứng từ.....	32
2.2.2.5. Các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại công ty.....	32
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH THANG MÁY HẢI GIANG SƠN..	48
3.1. Nhận xét công tác kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn	48
3.1.1. Ưu điểm.....	48
3.1.2. Nhược điểm.....	48

3.2. Các phương hướng phát triển của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn	49
3.3. Một số giải pháp để hoàn thiện kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.....	49
3.3.1. Cách lập dự phòng phải thu khó đòi.....	49
3.3.2. Quản lý công nợ theo tuổi.....	51
3.3.3. Bảng phân tích tình hình công nợ.....	52
KẾT LUẬN.....	55
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
4	BTC	Bộ tài chính
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	HĐ	Hoá đơn
7	NT	Ngày tháng
8	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
9	PC	Phiếu chi
10	PNK	Phiếu nhập kho
11	PT	Phiếu thu
12	SH	Số hiệu
13	SPS	Số phát sinh
14	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
15	TSCĐ	Tài sản cố định
16	TT	Thông tư
17	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
18	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
19	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
20	XK	Xuất khẩu

DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG

Bảng 2.1 Kết quả kinh doanh của Công ty.....	15
Bảng 2.2 Danh mục các ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	18
Bảng 2.3 Chỉ tiêu về nguồn vốn kinh doanh của Công ty.....	19
Bảng 2.4 Bảng tổng hợp lao động bình quân tại năm 2021.....	19
Bảng 3.1 Bảng phân tích tình hình công nợ.....	54

DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

Hình 1.1 Sơ đồ hạch toán công nợ phải thu khách hàng.....	10
Hình 1.2 Sơ đồ hạch toán công nợ phải trả người bán.....	13
Hình 2.1 Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh.....	20
Hình 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....	22
Hình 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bất kỳ một doanh nghiệp nào để tồn tại và phát triển lâu dài cần có một sự quản lý tốt về tài chính và các mối quan hệ liên quan trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Ngày nay, nền kinh tế đang gặp phải nhiều vấn đề khó khăn, điều đó tác động rất lớn tới hoạt động của các doanh nghiệp đặc biệt là trong vấn đề tài chính. Để tiếp tục phát triển doanh nghiệp phải luôn đảm bảo và duy trì tốt nguồn vốn của mình, điều này phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và quá trình huy động vốn. Trong hoạt động sản xuất hàng ngày của doanh nghiệp luôn bao gồm các nghiệp vụ như: các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán, các khoản phải trả cho nhà nước. Vì vậy, doanh nghiệp cần quản lý và giải quyết tốt các nghiệp vụ này một cách hiệu quả và đúng thời hạn.

.Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, khoản phải thu, nợ phải trả... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi có thể nói là liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán và ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng vì thế mà cao hơn, kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế được rủi ro trong thanh toán.

.Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như thực tế trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn tôi nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa đó nên chọn đề tài "*Kế toán công nợ tại công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn*" làm Khoá luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán công nợ tại công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn tháng 01 năm 2022.

Đưa ra những đánh giá nhận xét về thực tế công tác kế toán công nợ tại Công ty, và đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán công nợ các khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn vào tháng 01 năm 2022.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Là phương pháp hỏi trực tiếp những người cung cấp thông tin, dữ liệu cần thiết cho việc nghiên cứu đề tài. Phương pháp này sử dụng trong giai đoạn thu thập những thông tin cần thiết và những số liệu có liên quan đến đề tài.

Phương pháp hạch toán kế toán: Là phương pháp sử dụng chứng từ, tài khoản sổ sách để hệ thống hóa và kiểm soát thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Đây là phương pháp trọng tâm được sử dụng chủ yếu trong hạch toán kế toán.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của bài báo cáo gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán công nợ trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng về kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Chương 3: Phương hướng và một số giải pháp để hoàn thiện kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Lý luận chung về khoản nợ phải thu

1.1.1. *Khái niệm và phân loại các khoản nợ phải thu*

Khoản phải thu xác định quyền lợi của doanh nghiệp về một khoản tiền, hàng hóa, dịch vụ... mà doanh nghiệp sẽ thu về trong tương lai. Khoản nợ phải thu là một tài sản của doanh nghiệp đang bị các đơn vị tổ chức kinh tế, cá nhân khác chiếm dụng mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải thu hồi (Nguyễn Tuyết Anh, 2007).

Các khoản phải thu trong doanh nghiệp bao gồm:

Các khoản phải thu của khách hàng

Các khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Các khoản phải thu nội bộ

Các khoản tạm ứng của công nhân viên

Các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ

Các khoản phải thu khác

1.1.2. *Nguyên tắc hạch toán các khoản nợ phải thu*

Theo quy định tại điều 17, thông tư 200/2014/TT-BTC thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu như sau:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.

Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

1.1.3. Vai trò, vị trí, nhiệm vụ của kế toán nợ phải

Ghi chép phản ánh kịp thời chặt chẽ các khoản nợ phải thu khách hàng theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán, chiết khấu.

Kế toán phải thu khách hàng phải nắm bắt về tình hình phải thu, chính sách bán chịu, thanh toán quốc tế. Định kỳ tiến hành lập báo cáo về tình hình phải thu khách hàng. Đối với những khách hàng thường xuyên cuối kỳ tiến hành đối chiếu công nợ.

Kế toán phải xác minh tại chỗ hoặc yêu cầu xác minh bằng văn bản đối với các khoản nợ tồn đọng lâu ngày chưa và khó có khả năng thu hồi được để làm căn cứ lập dự phòng phải thu khó đòi về các khoản thu này.

Các khoản phải thu chủ yếu có số dư bên nợ, nhưng trong quan hệ đối với từng đối tượng phải thu có thể xuất hiện số dư bên có. Cuối kỳ kế toán, khi lập báo cáo tài chính, khi tính toán các chỉ tiêu phải thu, phải trả cho phép lấy số dư chi tiết các khoản nợ phải thu để lên hai chỉ tiêu bên “ Tài Sản” và bên “ Nguồn vốn” của bảng cân đối kế toán.

1.2. Lý luận chung về khoản nợ phải trả

1.2.1. Khái niệm và phân loại các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là một bộ phận thuộc nguồn vốn của doanh nghiệp xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác trong và ngoài doanh nghiệp về vật tư, hàng hóa, sản phẩm đã cung cấp trong một khoảng thời gian xác định. Khoản phải trả là những khoản mà doanh nghiệp chiếm dụng được của các cá nhân, tổ chức khác trong và ngoài doanh nghiệp (Nguyễn Tuyết Anh, 2007).

Nợ phải trả là các khoản nợ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, mua hàng mà doanh nghiệp phải trả, thanh toán cho các chủ nợ. Nếu phân loại theo thời gian hạch toán, các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp được chia làm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn:

Nợ dài hạn là các khoản nợ và các nghĩa vụ về mặt tài chính khác mà doanh nghiệp phải trả sau một khoảng thời gian từ một năm trở lên kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

Nợ ngắn hạn là các khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong khoảng thời gian từ một năm trở xuống. Nợ ngắn hạn bao gồm khoản phải trả và các khoản nợ dài hạn đến hạn trả.

1.2.2. Nguyên tắc hạch toán các khoản nợ phải trả

Theo quy định tại điều 50, thông tư 200/2014/TT-BTC thông tư hướng dẫn chế độ kế toán nợ phải trả doanh nghiệp, nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả như sau:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

1.2.3. Vai trò, vị trí, nhiệm vụ của kế toán nợ phải trả

Kế toán theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả.

Cuối niên độ kế toán doanh nghiệp phải căn cứ vào kế ước vay dài hạn, nợ dài hạn, kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn để xác định số nợ dài hạn đã đến hạn phải thanh toán trong niên độ kế toán tiếp theo và kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả.

Cuối niên độ kế toán phải đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay ngắn hạn, nợ ngắn hạn và dài hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán.

Kế toán phải theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng loại chiết khấu và phụ trội khi xác định chi phí đi vay để tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa theo từng kỳ. Trường hợp trả lãi khi đáo hạn trái phiếu thì định kỳ doanh nghiệp phải tính lãi trái phiếu phải trả từng kỳ để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa vào giá trị của tài sản dở dang.

1.3. Nội dung công tác kế toán khoản nợ phải thu của khách hàng trong doanh nghiệp

1.3.1. Sổ sách chứng từ kế toán nợ phải thu khách hàng

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 111, 131, 511 và các tài khoản có liên quan.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 111, 131, 511 và các tài khoản có liên quan.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Biên bản bù trừ công nợ
- Biên bản xoá nợ...

1.3.2. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán các khoản phải thu khách hàng. Kế toán sử dụng TK131” Phải thu khách hàng”.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, cung cấp dịch vụ.

Kết cấu phản ánh của TK 131 - Phải thu của khách hàng:

TK 131

<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu khách hàng phát sinh trong kỳ. - Số tiền chi hộ hoặc tiền thừa trả lại cho khách hàng. - Số tiền điều chỉnh chênh lệch tỷ giá tăng về số dư phải thu bằng ngoại tệ. 	<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền giảm giá và chiết khấu thanh toán cho các khách hàng. - Bù trừ công nợ. - Số tiền đã thu của khách hàng (kể cả ứng trước). - Số tiền điều chỉnh chênh lệch tỷ giá giảm về số dư phải thu bằng ngoại tệ cuối kỳ.
<p>Số dư cuối kỳ</p> <p>Số tiền còn phải thu của khách hàng.</p>	<p>Số dư cuối kỳ</p> <p>Số tiền được khách hàng ứng trước.</p>

Ngoài ra, doanh nghiệp còn hạch toán vào tài khoản 111 (tiền mặt) và TK 112 (tiền gửi ngân hàng).

Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ. Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập, xuất, tồn quỹ.

Kết cấu phản ánh của TK 111 - Tiền mặt:

TK 111

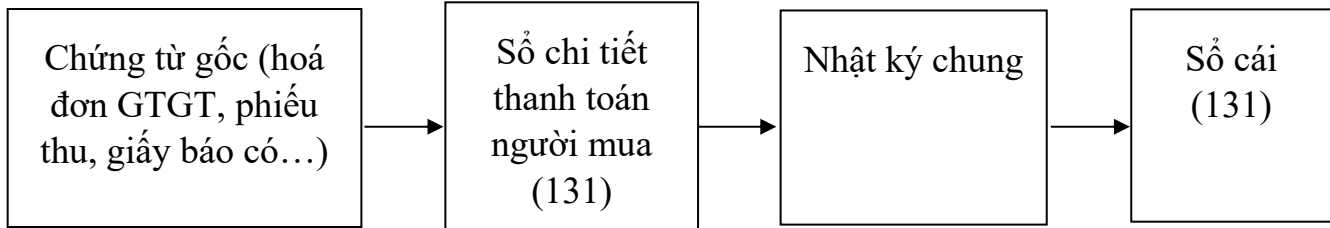
<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). 	<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
<p>Số dư cuối kỳ</p> <p>Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.</p>	

Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng của doanh nghiệp. Kết cấu phản ánh của TK 112 - Tiền gửi ngân hàng:

TK 112

<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ. 	<p>Số dư đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
<p>Số dư cuối kỳ</p> <p>Số tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.</p>	

1.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ

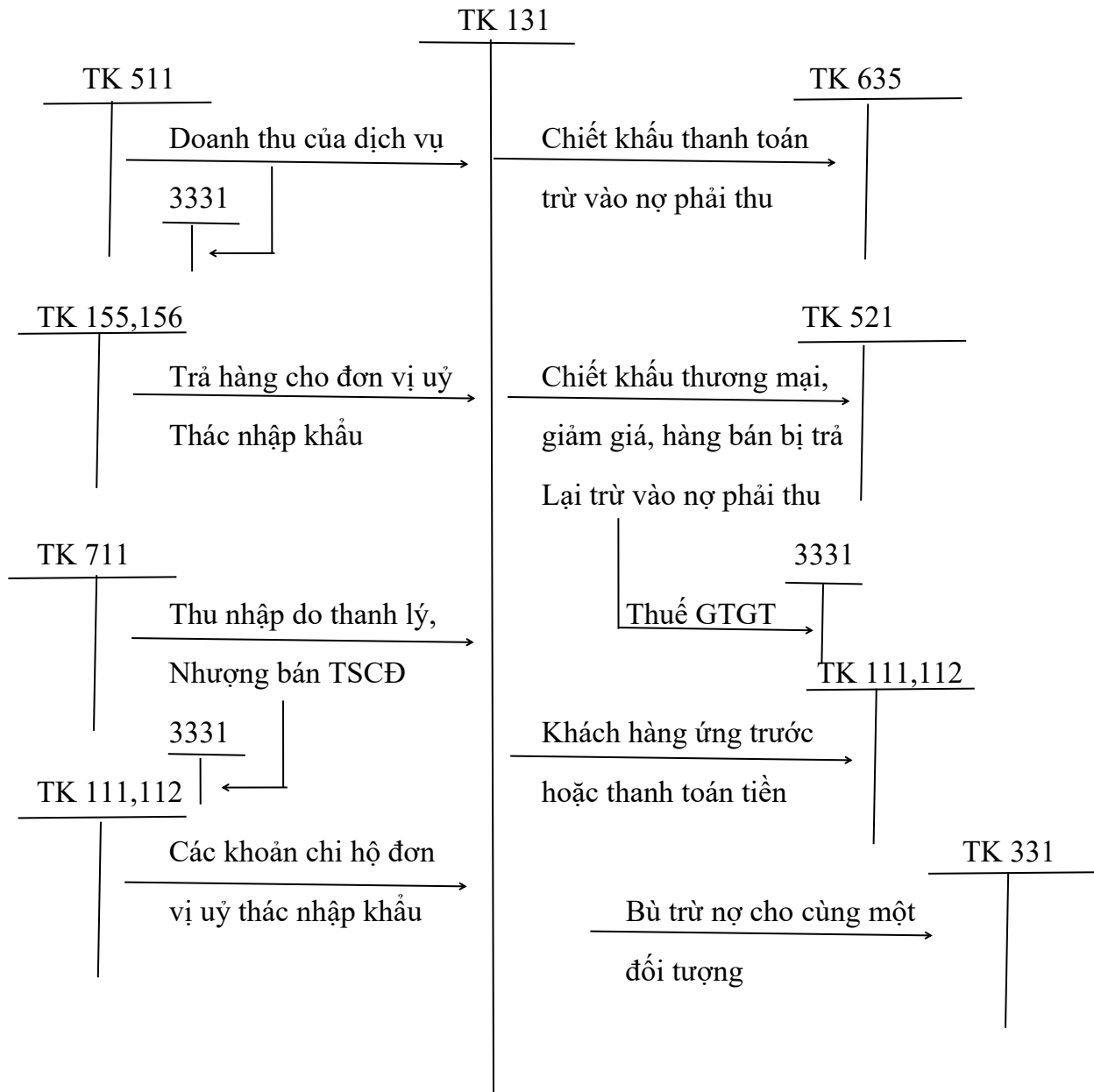


Bước 1: Căn cứ vào chứng từ gốc và các chứng từ có liên quan mà kế toán tổng hợp được từ các phòng ban trong công ty, định kỳ kế toán lên sổ chi tiết cho TK 131 và các tài khoản có liên quan.

Bước 2: Sau khi kế toán ghi chép vào sổ chi tiết thì tiến hành lên sổ tổng hợp cụ thể là sổ Nhật ký chung cho từng nghiệp vụ phát sinh theo thời gian.

Bước 3: Sau khi kế toán lên sổ tổng hợp Nhật ký chung thì kế toán tiến hành lên sổ cái cho TK 131 và các tài khoản khác có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.3.4. Phương pháp kế toán:



Hình 1.1: Sơ đồ hạch toán công nợ phải thu khách hàng

1.4. Nội dung công tác kế toán khoản nợ phải trả cho người bán trong doanh nghiệp

1.4.1. Sổ sách chứng từ kế toán nợ phải trả người bán

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 111, 331, 152 và các tài khoản có liên quan.
- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 111, 331, 152 và các tài khoản có liên quan.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ...

1.4.2. Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán các khoản phải trả người bán, kế toán sử dụng TK 331- “ Phải trả người bán”.

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký.

Kết cấu phản ánh của TK 331 - Phải trả người bán:

TK 331

Số dư đầu kỳ	Số dư đầu kỳ
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp nhận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá.

Số dư cuối kỳ Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán.	Số dư cuối kỳ Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.
---	--

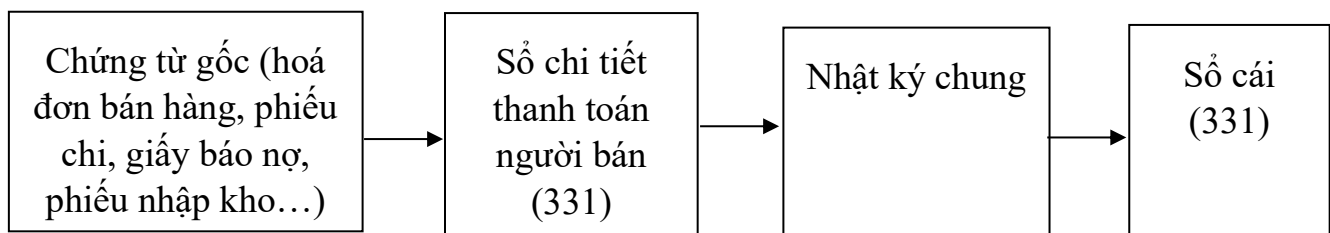
Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có hạch toán vào TK 152 (nguyên vật liệu). Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu phản ánh của TK 152 - Nguyên vật liệu:

TK 152

Số dư đầu kỳ - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác. - Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.	Số dư đầu kỳ - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn. - Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua. - Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng - Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.
Số dư cuối kỳ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.	

1.4.3. Trình tự luân chuyển chứng từ

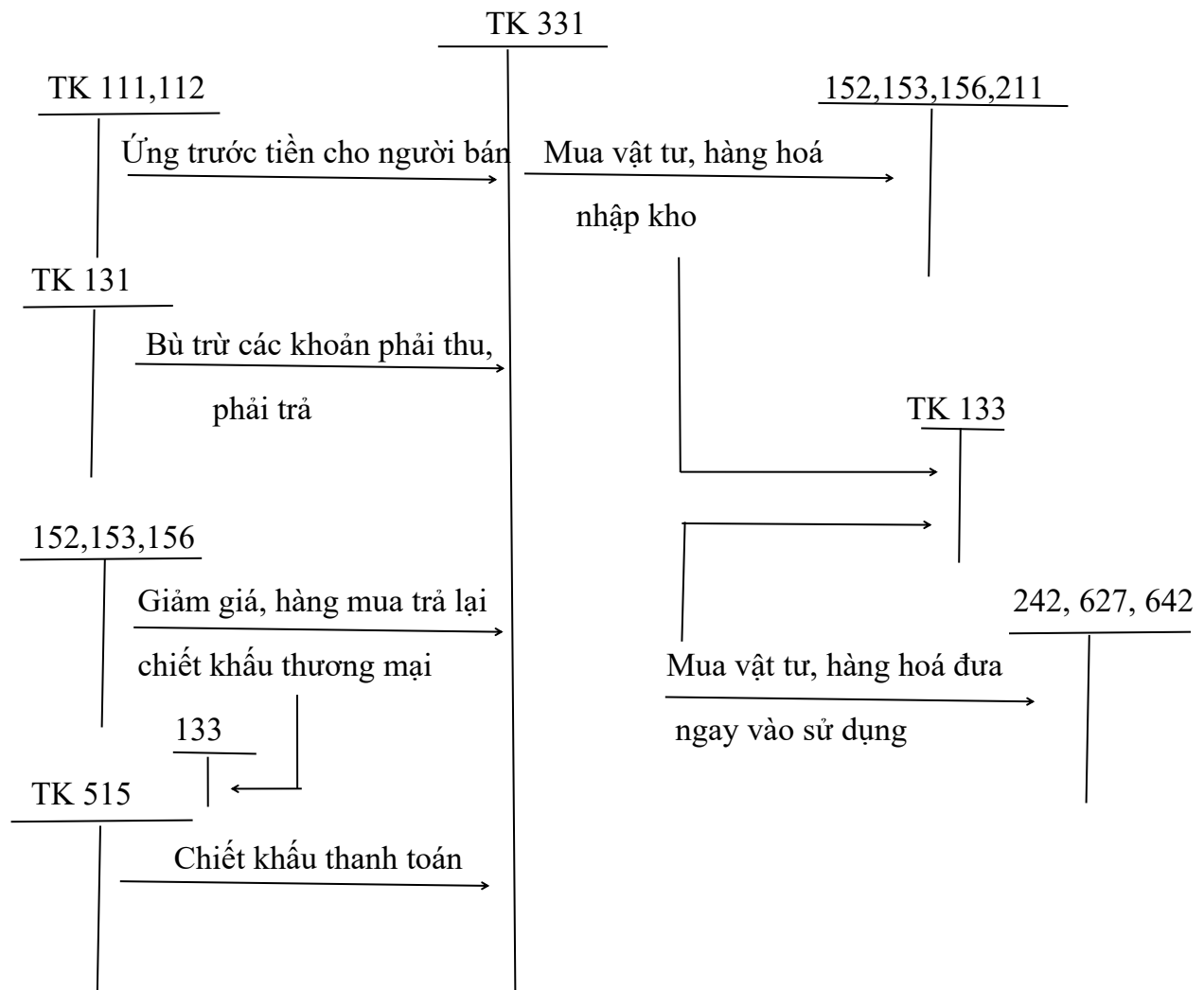


Bước 1: Căn cứ vào chứng từ gốc và các chứng từ có liên quan mà kế toán tổng hợp được từ các phòng ban trong công ty, định kỳ kế toán lên sổ chi tiết cho TK 331 và các tài khoản có liên quan.

Bước 2: Sau khi kế toán ghi chép vào sổ chi tiết thì tiến hành lên sổ tổng hợp cụ thể là sổ Nhật ký chung cho từng nghiệp vụ phát sinh theo thời gian.

Bước 3: Sau khi kế toán lên sổ tổng hợp Nhật ký chung thì kế toán tiến hành lên sổ cái cho TK 331 và các tài khoản khác có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.4.4. Phương pháp kế toán:



Hình 1.2: Sơ đồ hạch toán công nợ phải trả người bán

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH THANG MÁY HẢI GIANG SƠN

2.1. Khái quát chung về công ty

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn*

2.1.1.1. *Tên, địa chỉ Công ty*

Tên công ty: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

Tên giao dịch: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

Tên quốc tế: Hai Giang Son elevator company limited.

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: 02835171785.

Xưởng sản xuất: 68/1E Đường 18B, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Loại hình hoạt động: Công ty TNHH Hai Thành Viên.

Mã số thuế: 0309115655.

Đại diện pháp luật: Bùi Minh Hải.

2.1.1.2. *Thời điểm thành lập và phát triển*

Công ty được thành lập vào năm 2009 với nhiệm vụ chính là cung cấp dịch vụ bảo trì cũng như là sửa chữa thang máy cho khách hàng.

Từ năm 2010, bên cạnh việc cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa thang máy và thang cuốn, do nhu cầu của thị trường, Công ty bắt đầu kinh doanh các loại vật tư, thiết bị được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nổi tiếng.

Từ năm 2015, Công ty đã ký kết hợp tác với hãng thang máy Asia Schneider (Thái Lan) trong việc cung cấp vật tư, thiết bị thang máy.

2.1.1.3. *Quy mô hiện tại của Công ty*

Tổng số vốn kinh doanh tại 31/12/2021 là 4.186.389.820VNĐ, trong đó:

- Tồn tại dưới hình thức tài sản, gồm:

Tài sản ngắn hạn: 4.186.389.820VNĐ

Tài sản dài hạn: 0VNĐ,

- Tồn tại dưới hình thức nguồn vốn, gồm:

Vốn chủ sở hữu: 105.589.820VNĐ

Nợ phải trả: 4.080.800.000VNĐ

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty những năm gần đây

Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch 2021 –2020	
				Tăng (giảm)	Tỷ lệ (%)
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.125.509.090	3.192.273.363	(2.066.764.273)	(64,74)
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1.125.509.090	3.192.273.363	(2.066.764.273)	(64,74)
4.Giá vốn hàng bán	11	912.604.085	2.847.600.875	(1.934.996.790)	(67,95)
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20	212.905.005	344.672.488	(131.767.483)	(38,23)
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	73.510	64.376	+9.134	+14,19
7.Chi phí tài chính	22	0	22.693.611	(22.693.611)	(100)
- Trong đó: Lãi vay	23	0	22.693.611	(22.693.611)	(100)
8.Chi phí bán hàng	25	0	0	0	-
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	796.143.118	1.147.265.353	(351.122.235)	(30,61)

10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22) - (25+26)	30	(583.164.603)	(825.222.100)	+242.057.497	(29,33)
11.Thu nhập khác	31	0	0	0	-
12.Chi phí khác	32	0	0	0	-
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	0	0	0	-
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50	(583.164.603)	(825.222.100)	+242.057.497	(29,33)
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0	0	0	-
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	(583.164.603)	(825.222.100)	+242.057.497	(29,33)
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				
19.Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

(Nguồn: Phòng Kế Toán)

Nhận xét: Qua bảng phân tích trên ta thấy, lợi nhuận sau thuế qua hai năm đều lỗ và mang giá trị âm. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm mạnh so với năm 2021, đi sâu vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận ta thấy có hai nhóm: nhóm yếu tố tỷ lệ thuận với lợi nhuận và nhóm yếu tố tỷ lệ nghịch với lợi nhuận.

Thứ nhất, xét về nhóm yếu tố tỷ lệ thuận với lợi nhuận, doanh thu thuần năm 2021 giảm 64,74% nghĩa là giảm 2.066.764.273 đồng. Bên cạnh đó doanh thu tài chính tăng nhưng không đáng kể. Vì vậy, nhóm yếu tố tỷ lệ thuận với lợi nhuận trong năm 2021 đa phần đều giảm so với năm 2020 làm lợi nhuận giảm.

Thứ hai, xét về nhóm yếu tố tỷ lệ nghịch với lợi nhuận, giá vốn hàng bán giảm 1.934.996.790 đồng, tương ứng tốc độ giảm 67,95%. Các chi phí còn lại trong năm 2021

so với năm 2020: chi phí tài chính giảm 22.693.611 đồng (giảm 100%), chi phí quản lý kinh doanh giảm 351.122.235 đồng (giảm 30,61%).

Mặc dù lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm so với năm 2020 nhưng Công ty đã thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí kinh doanh.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

2.1.2.1. Chức năng của Công ty

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn là công ty TNHH Hai Thành viên có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt kinh doanh của đơn vị. Công ty có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Chi cục Thuế quận Phú Nhuận cấp ngày 16/07/2009 đến nay đã hoạt động được gần 19 năm.

Công ty là một doanh nghiệp thuê lắp đặt, tự chủ về mặt tài chính và vốn trong hoạt động kinh doanh của mình. Công ty luôn phấn đấu đáp ứng đủ và đúng với nhu cầu người tiêu dùng, luôn lấy chữ tín làm đầu, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Chức năng của Công ty là tư vấn giải pháp, cung cấp, bảo trì, nâng cấp thang máy và thang cuốn các loại đáp ứng yêu cầu của mọi loại công trình.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty

Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích hoạt động của công ty.

Đảm bảo phát triển vốn, lợi nhuận trong quá trình kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tổ chức mở rộng và không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, đáp ứng ngày càng nhiều các nhu cầu mới của xã hội.

Hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, hạch toán và báo cáo trung thực theo chế độ nhà nước quy định.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

2.1.3.1. Loại hình kinh doanh chủ yếu của Công ty

Với gần 14 năm hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh, thương hiệu thang máy Hải Giang Sơn đã và đang được nhiều khách hàng tin nhiệm.

Sự nỗ lực phấn đấu nâng cao liên tục tính thẩm mỹ, đầu tư công nghệ hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên tận tình – sáng tạo, bảo hành – bảo trì nhanh chóng khiến đối tác – khách hàng ngày càng hài lòng hơn.

Toàn bộ hoạt động sản xuất của Công ty có thể khái quát ở các lĩnh vực:

Bảng 2.2. Danh mục các ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (Thuê lắp đặt)	2816
2	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
5	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Thuê lắp đặt)	3320
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô	4530
9	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10	Bán buôn vật tư, linh kiện, phụ tùng thang máy, thang cuốn	4669

(Nguồn: Phòng Kế toán)

2.1.3.2. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty

Đặc điểm vốn kinh doanh:

Bảng 2.3: Chỉ tiêu về nguồn vốn kinh doanh của Công ty*(Đơn vị tính: đồng)*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Tài sản ngắn hạn	5.397.378.611	100	3.248.339.983	100	4.186.389.820	100
2. Tài sản dài hạn	0	-	0	-	0	-
3. Vốn chủ sở hữu	1.463.562.083	27,12	638.339.983	19,65	105.589.820	2.52
4. Nợ phải trả	3.933.816.528	72,88	2.610.000.000	80,35	4.080.800.000	97,48

(Nguồn: Phòng kế toán)

Nhận xét: Bảng 2.3 cho thấy, Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn có toàn bộ tài sản là tài sản ngắn hạn, không có tài sản dài hạn, đặc điểm này phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Nợ phải trả chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn. Tỷ trọng nợ ngắn hạn lớn là do công ty huy động vốn từ các khoản tín dụng ngân hàng. Bên cạnh đó thì doanh nghiệp cũng chiếm dụng một phần vốn của các khách hàng, nhà cung cấp. Công ty cần cân đối xem xét và có biện pháp quản lý các khoản nợ phải trả, nợ ngắn hạn đảm bảo khả năng thanh toán, đảm bảo uy tín của doanh nghiệp với nhà cung cấp.

Đặc điểm về lao động:

Bảng 2.4: Bảng tình hình lao động bình quân tại năm 2021

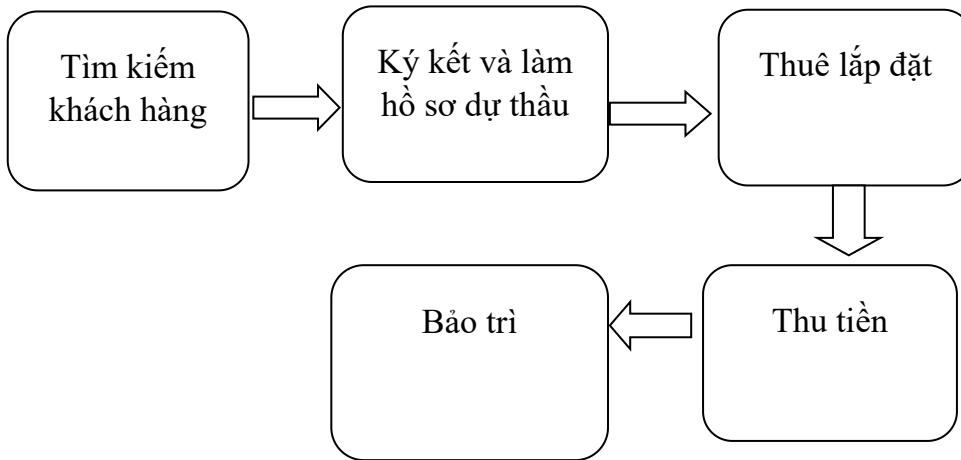
Tiêu thức phân loại	Số người	Tỷ lệ (%)
- Theo trình độ lao động		
+ Đại học	7	35
+ Cao đẳng	5	25
+ Lao động phổ thông	8	40
- Theo giới tính		
+ Lao động nam	16	80
+ Lao động nữ	4	20
Tổng số lao động	20	100

(Nguồn: Phòng kế toán)

Số lượng lao động tương đối phù hợp với chức năng và quy mô của Công ty. Chủ công ty là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều kinh nghiệm, năng lực chuyên môn. Tất cả các nhân viên trong công ty đều được đào tạo theo đúng chuyên ngành.

2.1.4. Đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công ty

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty



(Nguồn: Phòng kế toán)

Hình 2.1: Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh

Bước 1: Tìm kiếm khách hàng: Nhân viên kinh doanh tìm hiểu thông tin và liên hệ với khách hàng để có được đơn đặt hàng và những hợp đồng lớn.

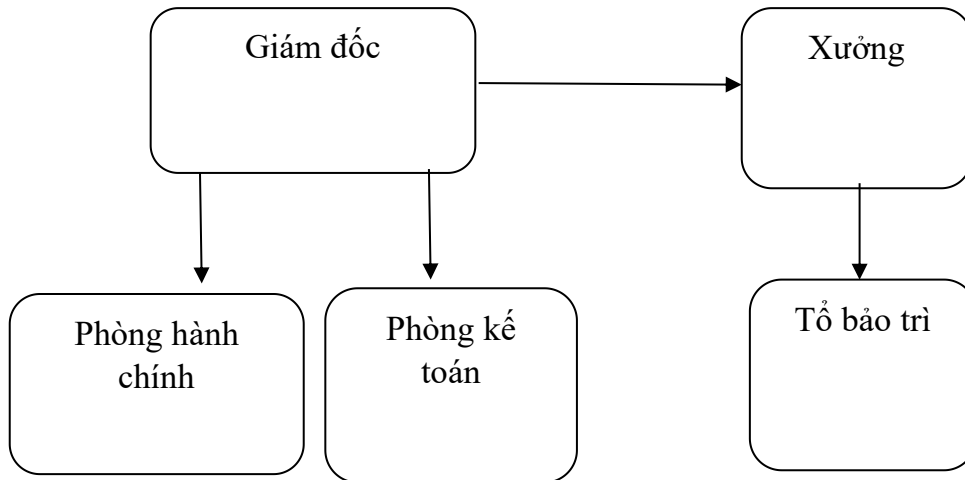
Bước 2: Ký kết và làm hồ sơ dự thầu: Khi khách hàng ký hợp đồng với công ty. Nhân viên kinh doanh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về sản phẩm cho phòng dự án để làm hồ sơ thầu.

Bước 3: Thuê lắp đặt: Sau khi ký kết và làm hồ sơ dự thầu, phòng hành chính tiến hành thuê lắp đặt.

Bước 4: Thu tiền: Ngay sau khi ký hợp đồng, khách hàng chuyển khoản 30% giá trị hợp đồng, sau đó khi công ty thuê lắp thang máy khách hàng chuyển tiếp 60% giá trị hợp đồng, cuối cùng sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng khách hàng chuyển nốt 10% còn lại, nhân viên kinh doanh hoàn tất và nộp chứng từ lên phòng kế toán để ghi nhận công nợ hoặc thu tiền. Đồng thời nhân viên kinh doanh sẽ được phòng kế toán ghi nhận khoản doanh thu đã tạo ra cho công ty.

Bước 5: Bảo trì: Sau 12 tháng bảo hành, nếu khách hàng muốn tiếp tục được bảo trì sản phẩm, hai bên sẽ ký hợp đồng bảo trì.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty



– **Giám đốc:** Là người có quyền hạn lớn nhất trong Công ty và là người đại diện của Công ty theo pháp luật. Giám đốc có nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm kí kết các hợp đồng, tư vấn, tổ chức và quản lý các dự án; tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động; quyết định lương, thưởng, phụ cấp cho nhân viên trong Công ty. Ngoài ra, Giám đốc còn có các quyền hạn và nghĩa vụ khác được quy định tại điều lệ.

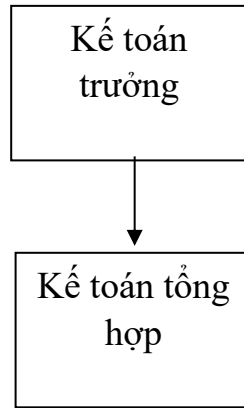
– **Phòng Hành chính:** Căn cứ kế hoạch Kinh doanh hàng năm của Công ty, lập kế hoạch bổ sung nguồn lực. Theo dõi các văn bản pháp luật, chủ trương chính sách của nhà nước, đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của Công ty được vận hành theo đúng các quy định. Bảo quản, kiểm soát hệ thống tài liệu, hồ sơ chất lượng của Công ty. Hướng dẫn, thực thi việc đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo đúng luật lao động, đúng nội quy, quy chế làm việc của Công ty.

– **Phòng Kế toán:** Có chức năng theo dõi, tính toán, cập nhật, báo cáo đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình sử dụng quản lý các quỹ, tài sản, hàng hóa, các nguồn vốn và kết quả sản xuất kinh doanh; quản lý thu chi, thanh toán tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước; chủ trì công tác quyết toán, kiểm toán đúng kì hạn, kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ.

– **Tổ bảo trì:** Có chức năng sửa chữa các thiết bị hư hỏng đột xuất một cách nhanh chóng nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất. Bên cạnh đó, theo dõi hồ sơ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ của Công ty, xây dựng, theo dõi và quản lý định mức sử dụng vật tư bảo trì, lập báo cáo các sự cố dừng sản xuất, hiệu suất sản xuất theo định kỳ cho Ban giám đốc.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Hình 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chú thích:

Quan hệ chỉ đạo: \longrightarrow

2.1.5.2. Bộ máy kế toán tại Công ty

Kế toán trưởng: Phụ trách và điều hành toàn bộ công tác kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và nhà nước về quản lý và sử dụng các loại lao động, vật tư, tiền vốn trong kinh doanh. Tổ chức hạch toán các quá trình kinh doanh theo quy định của nhà nước, xác định kết quả kinh doanh và lập các báo cáo theo quy định, chỉ đạo trực tiếp hướng dẫn dưới quyền thuộc phạm vi và trách nhiệm của mình, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp nhân viên kế toán tại công ty.

Kế toán tổng hợp: Là người chịu trách nhiệm phản ánh, ghi chép, thống kê tổng quát những dữ liệu, con số, tài khoản, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán theo các chỉ tiêu giá trị của công ty và là người trợ giúp đắc lực cho kế toán trưởng không chỉ trong quản lý các nghiệp vụ kế toán mà còn cả với các nhiệm vụ khác của phòng kế toán theo yêu cầu của ban Giám đốc để đem lại hiệu quả tốt nhất về quản lý tài chính.

2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng là hình thức “Nhật ký chung” theo Thông tư số 200/2021/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ Nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

b) Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3,5,10,...ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Hình 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(Nguồn: Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán Trần thị Cẩm Thanh, 2014)

Chú thích:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Ghi định kỳ, cuối tháng \longrightarrow

2.1.5.4. Chế độ kế toán và chính sách áp dụng

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp kế toán TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Niên độ kế toán: Được xác định theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm trùng với năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

2.2. Thực tế công tác kế toán công nợ tại công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

2.2.1. Kế toán phải thu khách hàng

2.2.1.1. Chứng từ hạch toán

- Hóa đơn thuế GTGT (hóa đơn bán hàng), hóa đơn thông thường.
- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng

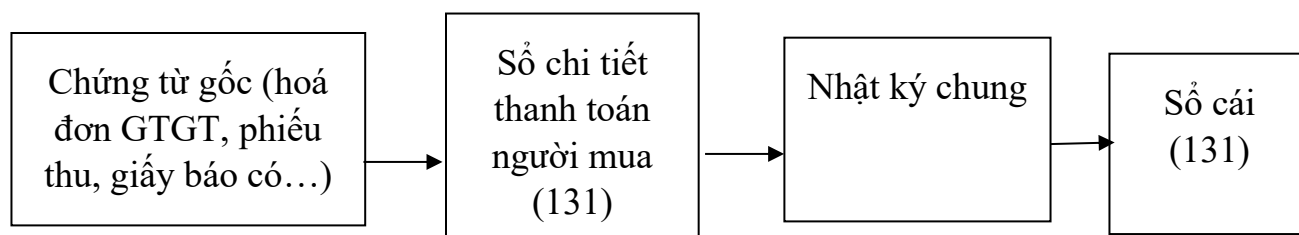
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 131 “phải thu khách hàng”

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ chi tiết TK 131
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 131

2.2.1.4. Trình tự luân chuyển chứng từ



2.2.1.5. Các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại công ty

Nghiệp vụ 1: Vào ngày 19/01/2022 công ty tiến hành bảo trì thang cuốn cho công ty TNHH Thang máy Thiên Mã theo hoá đơn GTGT số 0000560 với giá đã có thuế VAT 8% là 8.553.600đ.

HÓA ĐƠN (GTGT)		KH: 1C22TKJ			
(Liên 2: Giao khách hàng)		Số: 0000560			
Ngày 19 tháng 01 năm 2022					
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn					
Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh					
Số tài khoản: 010600578843		Mã số thuế: 0309115655			
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thang máy Thiên Mã					
Địa chỉ: 681/31 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh					
Hình thức thanh toán: Chưa Thanh toán		Mã số thuế: 0313492769			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Bảo trì Thang cuốn đợt 1			7.920.000	7.920.000
Cộng tiền hàng:		7.920.000			
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT: 633.600	
Tổng cộng tiền thanh toán:		8.553.600			
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu năm trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng./					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		

Nghiệp vụ 3: Vào ngày 25/01/2022 công ty tiến hành sửa chữa thang máy cho công ty TNHH Thiên Phát theo hoá đơn GTGT số 0000562 với giá đã có thuế VAT 8% là 6.480.000đ.

HÓA ĐƠN (GTGT)		KH: 1C22TKJ			
(Liên 2: Giao khách hàng)		Số: 0000562			
Ngày 25 tháng 01 năm 2022					
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn					
Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh					
Số tài khoản: 010600578843		Mã số thuế: 0309115655			
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thiên Phát					
Địa chỉ: Số 133, Đường Lê Lợi, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán		Mã số thuế: 3702510374			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Sửa thang máy			6.000.000	6.000.000
Cộng tiền hàng:		6.000.000			
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT: 480.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:		6.480.000			
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng./					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		

Nghiệp vụ 4: Vào ngày 28/01/2022 công ty thu tiền bảo trì thang máy cho công ty TNHH Thang máy Thiên Mã thông qua Phiếu Thu số 12 với giá đã có thuế VAT 8% là 8.553.000đ.

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Mẫu số 02 –TT

Địa chỉ : Phú Nhuận – Thành Phố Hồ Chí Minh

(Ban hành theo TT số:

200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: 12

Nợ.....111.....

Ngày 28/01/2022

Có131.....

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH Thang máy Thiên Mã.

Địa chỉ: 681/31 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Lý do nộp: Trả tiền bảo trì thang cuốn đợt 1

Số tiền: 8.553.600.

Bằng chữ: Tám triệu năm trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng.

Kèm theo

Chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Ngày

tháng

năm

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Thủ quỹ

(Ký, đóng dấu)

(Ký)

(Ký)

(Ký)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn
12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
 Tháng 01 năm 2022
 Tài khoản 131 – TM
 Đối tượng: Công ty TNHH Thang máy Thiên Mã,

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					<u>0</u>
19/01	BH 0000560	19/01	Bảo trì thang cuốn đợt 1	511	7.920.000			
				33311	633.600			
28/01	PT 12	28/01	Trả tiền bảo trì thang cuốn đợt 1	1111		8.553.600		
			Cộng số phát sinh		8.553.600	8.553.600		
			<u>Dư cuối tháng</u>					<u>0</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 01 năm 2022

Tài khoản 131 – TP

Đối tượng: Công ty TNHH Thiên Phát

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>				<u>0</u>	
25/01	BH 0000562	25/01	Sửa thang máy	511	6.000.000			
				33311	480.000			
			Cộng số phát sinh		6.480.000			
			<u>Dư cuối tháng</u>				<u>6.480.000</u>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Bảo trì, sửa chữa thang máy

Tháng 01 năm 2022

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					
19/01	BH 0000560	19/01	Bảo trì thang cuốn đợt 1	131		7.920.000		
25/01	BH 0000562	25/01	Sửa thang máy	131		6.000.000		
			Cộng số phát sinh			13.920.000		
	PKC		Kết chuyển cuối kỳ	911	13.920.000			
			<u>Dư cuối tháng</u>					

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán phải trả người bán

2.2.2.1. Chứng từ hạch toán

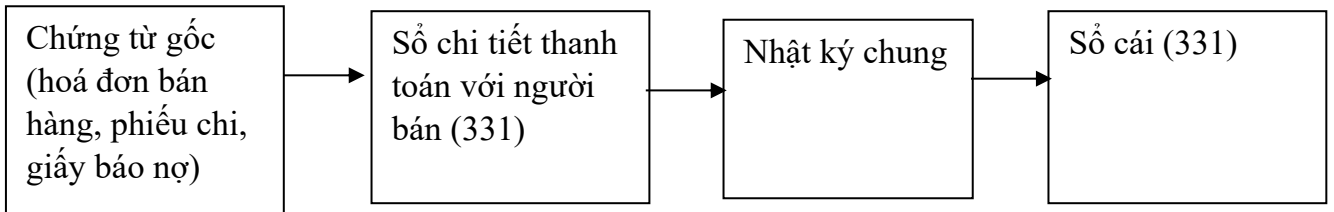
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Phiếu đặt hàng...

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng: Tài khoản 331 “ phải trả cho người bán”.

2.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ chi tiết TK 331
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 331

2.2.2.4. Trình tự luân chuyển chứng từ



2.2.2.5. Các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại công ty

Nghiệp vụ 1: Vào ngày 25/01/2022 công ty mua và nhập kho 1 bộ nguồn từ công ty TNHH Thương mại Lĩnh Quân theo hoá đơn GTGT 0000590 và phiếu nhập kho với giá trị đã bao gồm thuế VAT 8% là 455.563đ.

HÓA ĐƠN (GTGT)		KH: 1C22TKJ			
(Liên 2: Giao khách hàng)		Số: 0000590			
Ngày 25 tháng 01 năm 2022					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Lĩnh Quân					
Địa chỉ: 38/1C Lý Thánh Tông, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh					
Số tài khoản: 0441000647085		Mã số thuế: 0312298078			
Họ tên người mua hàng: Công Ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn					
Địa chỉ: 12 Hoa Phụng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán		Mã số thuế: 03009115655			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Bộ nguồn	Cái	1	421.818	421.818
Cộng tiền hàng:		421.818			
Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế GTGT:		33.745	
Tổng cộng tiền thanh toán:		455.563			
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng./					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn
12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 01 – VT

Số: NK 21/10

Mã số thuế: 0309115655

PHIẾU NHẬP KHO Nợ: 1521

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 Có: 331

(Liên 1)

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Ngọc Bảo

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Lĩnh Quân

Lý do nhập kho: Nhập kho vật tư.

Nhập tại kho: Kho hàng chung của xưởng

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	E	F	G	H
1	Bộ nguồn	D BONGUON	Cái	1	1	421.818	421.818
	Cộng						421.818

Tổng số tiền hàng (viết bằng chữ): Bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm mười tám đồng.

Ghi chú: Tiền VAT đầu vào: 33.745.

Kèm theo chứng từ gốc: HĐ 0000590

Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nghiệp vụ 2: Vào ngày 27/01/2022 công ty thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho Công ty Tiên Nam Khang với số tiền 1.260.000đ thông qua phiếu chi 0025.

Công ty TNHH TM Hải Giang Sơn

12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Bộ phận: Phòng Kế toán

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 27 tháng 01 năm 2022

Quyển số: 05

Số: PC0025

Nợ: 331

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Kim Liên

Có: 1111

Địa chỉ: Công ty TNHH Tiên Nam Khang

Lý do chi: Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho Công ty Tiên Nam Khang

Số tiền: 1.260.000^d (Viết bằng chữ): Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 01 năm 2022

Tài khoản 331 – LQ

Đối tượng: Công ty TNHH Thương mại Lĩnh Quân

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>					<u>0</u>
25/01	HĐ 0000590	25/01	Mua vật tư từ công ty Lĩnh Quân	152		421.818		
				1331		33.745		
			Cộng số phát sinh			455.563		
			<u>Dư cuối tháng</u>					<u>455.563</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn
12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
 Tháng 01 năm 2022
 Tài khoản 331 – TNK
 Đối tượng: Công ty TNHH Tiến Nam Khang

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>					<u>1.260.000</u>
27/01	PC 0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho Công ty Tiến Nam Khang	1111	1.260.000			
			Cộng số phát sinh		1.260.000			
			<u>Dư cuối tháng</u>					<u>0</u>

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TIỀN MẶT

Tháng 01 năm 2022

Tài khoản 1111

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>				<u>77.101.097</u>	
27/01	PC 0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho Công ty Tiên Nam Khang	331		1.260.000		
28/01	PT 12	28/01	Thu tiền bảo trì thang cuốn đợt 1	131	8.553.600			
			Cộng số phát sinh		8.553.600	1.260.000		
			<u>Dư cuối tháng</u>				<u>84.394.697</u>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn
12 Hoa Phượng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số S38-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 01 năm 2022
 Tài khoản 152 – Bộ nguồn

(Đvt: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>				<u>0</u>	
25/01	PNK 21	25/01	Mua vật tư nhập kho từ công ty Lĩnh Quân	331	421.818			
			Cộng số phát sinh		421.818			
			<u>Dư cuối tháng</u>				<u>421.818</u>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 01 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			I. Số trang trước chuyển sang			
			II. Số phát sinh trong kỳ					
19/01	BH 0000560	19/01	Doanh thu bảo trì thang cuốn đợt 1			131	8.553.600	

19/01	BH 0000560	19/01	Doanh thu bảo trì thang cuốn đợt 1			511		7.920.000
19/01	BH 0000560	19/01	Thuế GTGT đầu ra			33311		633.600
25/01	BH 0000562	25/01	Doanh thu sửa thang máy			131	6.480.000	
25/01	BH 0000562	25/01	Doanh thu sửa thang máy			511		6.000.000
25/01	BH 0000562	25/01	Thuế GTGT đầu ra			33311		480.000
25/01	PNK 21	25/01	Mua vật tư nhập kho từ công ty Lĩnh Quân			152	421.818	
25/01	PNK 21	25/01	Thuế GTGT đầu vào			1331	33.745	
25/01	PNK 21	25/01	Mua vật tư nhập kho từ công ty Lĩnh Quân			331		455.563
27/01	PC 0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho công ty Tiến Nam Khang			331	1.260.000	
27/01	PC 0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho công ty Tiến Nam Khang			1111		1.260.000
28/01	PT 12	28/01	Thu tiền bảo trì thang cuốn đợt 1			1111	8.553.600	
28/01	PT 12	28/01	Thu tiền bảo trì thang cuốn đợt 1			131		8.553.600

	PKC		Kết chuyển cuối kỳ			511	13.920.000	
	PKC		Kết chuyển cuối kỳ			911		13.920.000
			III. Cộng chuyển trang sau			

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

DVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>0</u>		
19/01	BH 0000560	19/01	Doanh thu bảo trì thang máy đợt 1	511	7.920.000		
19/01	BH 0000560	19/01	Thuế GTGT đầu ra	33311	633.600		
25/01	BH 0000562	25/01	Doanh thu sửa thang máy	511	6.000.000		
25/01	BH 0000562	25/01	Thuế GTGT đầu ra	33311	480.000		
28/01	PT 12	28/01	Thu tiền bảo trì thang cuốn đợt 1	1111		8.553.600	
			Cộng PS trong kỳ		15.033.600	8.553.600	
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>6.480.000</u>		

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

DVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU'	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>7.635.600</u>	
25/01	PNK21	25/01	Mua vật tư nhập kho từ công ty Lĩnh Quân	152		421.818	
25/01	PNK21	25/01	Thuế GTGT đầu vào	1331		33.745	
27/01	PC0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho công ty Nam Khang	1111	1.260.000		
			Cộng PS trong kỳ		1.260.000	454.563	
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>6.830.163</u>	

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 1111

DVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ		<u>77.101.097</u>		
27/01	PC0025	27/01	Thanh toán tiền mua vật tư kỳ trước cho công ty Tiến Nam Khang	331		1.260.000	
28/01	PT12	28/01	Thu tiền bảo trì thang cuốn đợt 1	131	8.553.600		
			Cộng PS trong kỳ		8.553.600	1.260.000	
			Số dư cuối kỳ		<u>86.914.697</u>		

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2022
Giám đốc
(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

DVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				
19/01	BH0000560	19/01	Doanh thu bảo trì thang cuốn đợt 1	131		7.920.000	
25/01	BH0000562	25/01	Doanh thu sửa thang máy	131		6.000.000	
			Cộng PS trong kỳ		0	13.920.000	
	PKC		Kết chuyển cuối kỳ	911	13.920.000		
			Số dư cuối kỳ				

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Địa chỉ: 12 Hoa Phượng, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Nguyên Vật Liệu

Số hiệu: 152

ĐVT: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ'	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ		0		
25/01	PNK 21	25/01	Mua vật tư nhập kho từ công ty Lĩnh Quân	331	421.818		
			Cộng PS trong kỳ		421.818		
			Số dư cuối kỳ		421.818		

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH THANG MÁY HẢI GIANG SƠN

3.1. Nhận xét công tác kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

3.1.1. Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hệ thống kế toán trong công ty đã nhanh chóng ứng dụng máy vi tính cho quá trình lên sổ sách bằng phần mềm. Điều này giúp đơn giản hơn phần nào và mọi thông tin được xử lý nhanh, kịp thời. Đó là điều kiện quan trọng giúp cho các cấp lãnh đạo nắm bắt nhanh tình hình của công ty và đưa ra những biện pháp khắc phục những mặt thiếu sót trên sổ sách chứng từ...Đồng thời tìm ra hướng giải quyết mới cho những thuận lợi hiện đang có.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức với một cơ cấu gọn nhẹ và chặt chẽ xây dựng theo kiểu quan hệ trực tuyến, mọi nhân viên kế toán được sự quản lý và điều hành của kế toán trưởng. Do đó không xảy ra sự chông chéo trong quản lý.

Việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán cho từng đối tượng kế toán vì các nghiệp vụ được ghi theo trình tự theo thời gian. Từ đó có thể cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời cho nhà quản lý.

Việc theo dõi các khoản phải thu và phải trả thường xuyên giúp cho công tác theo dõi tình hình tăng giảm các khoản phải thu và phải trả kịp thời phục vụ cho công tác thu hồi nợ cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những thuận lợi thì ẩn sau đó là những khó khăn, đằng sau những ưu điểm thì công tác kế toán công nợ phải thu và phải trả của công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn có những nhược điểm cần khắc phục sau:

Đơn vị hàng năm chưa lập dự phòng phải thu khó đòi nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do không thu hồi được nợ, khách hàng làm ăn thua lỗ.

Chưa theo dõi công nợ theo tuổi nợ.

Không lập bảng phân tích tình hình công nợ phải thu, phải trả để đánh giá khả năng trả nợ, thu hồi các khoản nợ (nợ dưới 1 năm, nợ quá hạn từ 1-2 năm, nợ quá hạn từ 2-3 năm, nợ quá hạn từ 3 năm trở lên).

3.2. Các phương hướng phát triển của Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

Từng bước thực hiện mục tiêu trở thành một công ty thang máy hàng đầu Việt Nam. Sự tín nhiệm của khách hàng và các đối tác kinh doanh chính là những yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Hải Giang Sơn.

Không chỉ đem đến những dịch vụ chất lượng hàng đầu cho khách hàng mà còn tạo ra nhiều cơ hội thành công cho đội ngũ nhân viên của mình. Mỗi nhân viên đều có thể cảm thấy thoải mái và phát huy được năng lực của mình khi làm việc tại Hải Giang Sơn.

Công ty hướng tới xây dựng một văn hoá doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, văn minh, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động.

Có chính sách tuyển dụng tìm kiếm và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với năng lực, trình độ và hiệu quả công việc của nhân viên, nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần cho nhân viên.

Thay vì trước đây công ty chỉ quan tâm tới khâu sửa chữa, bảo trì thang máy cho khách hàng thì nay Hải Giang Sơn đang dần dần hướng đến khâu lắp đặt thang máy tới người tiêu dùng thay cho việc thuê lắp đặt. Song song với việc chuẩn bị lắp đặt thang máy thì công ty cũng đang triển khai tiến hành thực hiện công đoạn đào tạo nhân lực có kiến thức, chuyên môn và tay nghề cao.

Khi đã đào tạo được nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, có chuyên môn thì việc tiến hành lắp đặt thực hiện không còn là quá khó khăn. Đó không chỉ là cách để bảo vệ tên tuổi mà còn là cách khẳng định được tính chuyên nghiệp của Hải Giang Sơn trên thị trường thang máy ngày càng phát triển đa dạng. Tự tạo lợi thế và những ưu điểm cho mình để dần khẳng định được vị thế cũng như chỗ đứng vững chắc đối với người tiêu dùng.

3.3. Một số giải pháp để hoàn thiện kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn

3.3.1. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty cần trích lập các khoản dự phòng theo quy định, nếu khách hàng thanh toán chậm phải gửi thư nhắc nhở và yêu cầu khách hàng thanh toán hoặc cử nhân viên trực tiếp đi thu nợ.

Điều kiện để xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn.

Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ TK 111, 112, 331, 334 (phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131, 138, 128, 244...

Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 – Thu nhập khác.

Ví dụ: Công ty A có phát sinh các nghiệp vụ bảo trì thang máy cho Công ty B theo từng hợp đồng và đã quá hạn thanh toán như sau:

Bảo trì thang máy theo hợp đồng 01 cho Công ty B, giá trị hợp đồng là 5 triệu đồng, Công ty B chưa trả nợ, quá hạn 10 tháng.

Bảo trì thang máy theo hợp đồng 02 cho Công ty B, giá trị hợp đồng là 15 triệu đồng, Công ty B chưa trả nợ, quá hạn 20 tháng.

Bảo trì thang máy theo hợp đồng 03 cho Công ty B, giá trị hợp đồng là 10 triệu đồng, Công ty B chưa trả nợ, quá hạn 26 tháng.

Tổng nợ phải thu quá hạn của Công ty B: 30 triệu đồng.

Đồng thời, Công ty A có mua vật tư của Công ty B, số tiền Công ty A phải trả cho Công ty B là: 10 triệu đồng.

Như vậy, số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả đối với Công ty B là: 20 triệu đồng.

Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu của lô hàng theo hợp đồng 01 là: $5/30 \times 20 \times 30\% = 1$ triệu đồng.

Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu của lô hàng theo hợp đồng 02 là: $15/30 \times 20 \times 50\% = 5$ triệu đồng.

Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu của lô hàng theo hợp đồng 03 là: $10/30 \times 20 \times 70\% = 4,67$ triệu đồng.

3.3.2. Quản lý công nợ theo tuổi nợ

Để theo dõi chặt chẽ việc thu tiền bảo trì thang máy cần phân loại nợ theo nhóm tuổi và doanh nghiệp cần phải lập và theo dõi thường xuyên báo cáo tuổi nợ.

Báo cáo tuổi nợ là một trong các loại báo cáo công nợ, được sử dụng cho mục đích theo dõi toàn bộ nợ của từng khách hàng theo thời gian nợ.

Báo cáo tuổi nợ sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt được về thời hạn nợ của từng khoản nợ cho từng đối tượng. Từ đó có biện pháp thu hồi nợ hợp lý cho từng khách hàng cụ thể. Đây cũng chính là một trong những điểm khác biệt nổi bật của báo cáo tuổi nợ so với các báo cáo công nợ khác.

Báo cáo tuổi nợ sẽ thống kê tất cả các khách hàng đang còn nợ doanh nghiệp và sắp xếp công nợ của các khách hàng đó thông thường là theo ngày quá hạn thanh toán. Cụ thể, công nợ thường được chia nhóm theo phạm vi ngày quá hạn như sau:

- Hiện tại: Những công nợ chưa đến hạn thanh toán sẽ được cho vào nhóm này.
- 1-30: Là nhóm gồm các công nợ phải thu đã quá hạn từ 1-30 ngày.
- 31-60: Những công nợ quá hạn từ 31-60 ngày sẽ được cho vào nhóm này.
- 61-90: Đây là nhóm công nợ quá hạn từ 61-90 ngày.
- Hơn 90: Nhóm này là nhóm công nợ quá hạn hơn 90 ngày, đây là nhóm có mức báo động cao nhất.

3.3.3. Bảng phân tích tình hình công nợ

Công ty cần xem xét đến đối tượng cho chịu, giới hạn số tiền cho phép nợ tối đa và thời gian thanh toán. Phân loại và lập bảng phân tích các khoản nợ trên cơ sở khả năng và thời hạn trả nợ để thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra và thu hồi nợ.

Mục đích của việc phân tích tình hình công nợ là đánh giá tình hình chiếm dụng vốn của công ty cũng như đánh giá việc công ty đi chiếm dụng vốn. Phân tích công nợ bao gồm phân tích các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả để từ đó đánh giá sự hợp lý của các khoản công nợ, và đưa ra giải pháp điều chỉnh.

Các chỉ tiêu được dùng khi phân tích khái quát tình hình công nợ bao gồm chỉ tiêu phản ánh quy mô nợ và chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nợ.

Chỉ tiêu phản ánh quy mô nợ: Chỉ tiêu tổng hợp các khoản phải thu và phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nợ: Bao gồm hệ số các khoản phải thu, hệ số các khoản phải trả, tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả.

$$\text{Hệ số các khoản phải thu} = \frac{\text{Tổng các khoản phải thu}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ bị chiếm dụng vốn của công ty, chỉ tiêu càng lớn mức độ vốn bị chiếm dụng càng nhiều.

$$\text{Hệ số các khoản phải trả} = \frac{\text{Tổng các khoản phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ đi chiếm dụng vốn của công ty, chỉ tiêu càng lớn thì phần nguồn vốn do đi chiếm dụng càng nhiều.

$$\text{Tỷ lệ khoản phải thu so với phải trả} = \frac{\text{Tổng các khoản phải thu}}{\text{Tổng các khoản phải trả}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho thấy mối liên hệ giữa các khoản phải thu so với các khoản phải trả. Nếu tỷ lệ này lớn hơn 100% chứng tỏ công ty đang bị chiếm dụng vốn và ngược lại nếu tỷ lệ này càng nhỏ hơn 100% chứng tỏ công ty đang đi chiếm dụng vốn của những đối tượng khác. Mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn 100% càng nhiều chứng tỏ tình hình công nợ đều không tốt và khiến cho tình hình tài chính của công ty đều không lành mạnh.

Tỷ lệ giữa số nợ đã thu trong kỳ so với tổng nợ phải thu trong kỳ:

$$\text{Tỷ lệ số đã thu so với tổng nợ phải thu} = \frac{\text{Số nợ đã thu trong kỳ}}{\text{Tổng nợ phải thu trong kỳ}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ số nợ công ty đã thu được so với tổng nợ phải thu. Tỷ lệ này càng lớn thì khả năng thu hồi nợ của công ty trong kỳ càng tốt.

Có thể lập bảng so sánh chỉ tiêu công nợ như sau:

Bảng 3.1: Phân tích tình hình công nợ

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch	
			Giá trị (lần)	Tỷ lệ (%)
Tổng nợ phải thu				
Tổng nợ phải trả				
Hệ số các khoản phải thu				
Hệ số các khoản phải trả				
Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả				
Tỷ lệ giữa số nợ đã thu so với tổng nợ phải thu trong kỳ				

(Nguồn: Giáo trình phân tích báo cáo tài chính Nguyễn Năng Phúc, 2015)

KẾT LUẬN

Công tác kế toán luôn gắn liền với sự hoạt động kinh doanh, có tác dụng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của bất kỳ một doanh nghiệp nào. Mặt khác, đây là một công cụ giúp cho doanh nghiệp mà chủ yếu là các nhà quản trị có những quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để cho những quyết định của nhà quản trị có hiệu quả cao đòi hỏi những thông tin về kế toán phải cực kỳ chính xác, thường xuyên và kịp thời. Mà đáng chú ý nhất là thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh, là niềm mong đợi của tất cả các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư thành lập công ty và quyết định kinh doanh một ngành nghề nào.

Với sự nỗ lực của bản thân trong nghiên cứu những vấn đề lý luận cũng như đi sâu tìm hiểu thực tế, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn ThS. Mai Thị Lệ Huyền mà khoá luận cơ bản đã giải quyết được một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Trình bày những cơ sở lý luận về kế toán công nợ trong doanh nghiệp.

Thứ hai, Phân tích thực trạng về kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

Thứ ba, Đưa ra những phương hướng và một số giải pháp để hoàn thiện kế toán công nợ tại Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/TT-BTC, Chế độ kế toán doanh nghiệp – Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán*, Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
2. Nguyễn Tuyết Anh, (2007), *Giáo trình Kế toán Tài chính*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Đông, (2007), *Giáo trình Lý thuyết Hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
4. Trần Thị Cẩm Thanh, (2014), *Giáo trình Tổ chức hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Năng Phúc, (2015), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.